TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 55/2018/HSST
Ngày 20 tháng 9 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Phi.**
***Các hội thẩm nhân dân*:**
Ông **Nguyễn Đình Phong.**
Bà **Lã Thị Thanh Tuyền.**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Hứa Công Nguyên** - là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Trần Văn Tuấn** - Kiểm sát viên

Ngày 20/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2018/HSST ngày 17/8/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018, đối với các bị cáo:

Phạm Xuân H, sinh năm 1981; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Phạm Xuân T và bà Đặng Thị H; vợ Nguyễn Thị Th; con có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Đặng Đình T, Sinh năm: 1995. Tại: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Trình độ văn hoá: 8/12. Con ông Đặng Đình H và bà Nguyễn Thị H; Vợ: Vũ Thị H; Con: có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. *Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

Đặng Đình T sinh ngày 30/4/2000. Tại xã G, huyện G, tỉnh N. Nơi cư trú: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: nam; Trình độ văn: 9/12. Con ông: Đặng Đình H và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Ngày 05/12/2017, bị Đồn Công an khu công nghiệp G huyện G, tỉnh N xử phạt hành chính, hình thức "Cảnh cáo" về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú" bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

Anh Vũ Thành Tr, sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 35, ngõ 26 Đ, phường K, quận Đ, thành phố H. có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà **Đặng Thị Đ**, sinh năm 1954; trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 15/6/2018 Phạm Xuân H thấy nhà bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1954, trú tại thôn V, xã G, huyện G, là hàng xóm của H đi vắng, không có ai trông coi nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp Phong Lan treo trước vườn và sân nhà bà Đ để về chơi. Hiến trèo qua tường bao giữa nhà H và nhà bà Đ vào trong vườn để trộm cắp Phong Lan. Hiến lấy 03 giò Phong Lan, gồm: 02 giò Phong Lan Phi Điệp (01 giò 20 ngọn, 01 giò 07 ngọn) và 01 giò Phong Lan Kiều Vàng 07 ngọn treo ở tường bao trước cửa nhà bà Đ rồi đem về nhà cất giấu. Sau đó, H đi đến nhà Đặng Đình T cùng thôn chơi, tại đây H gặp Đặng Đình T và Đặng Đình T (em trai T), H nói với T và T: "*bên nhà ông C có mấy giò Phong Lan đẹp lắm, đi sang lấy đi*" – ý rủ T và T đi trộm cắp Phong Lan (ông C là bố bà Đ). T và T đồng ý và cùng H đến nhà bà Đ để trộm cắp Phong Lan, cả ba trèo qua tường bao giữa nhà H và nhà bà Đ vào trong vườn để trộm cắp Phong Lan. T lấy 06 giò Phong Lan treo trên cây bưởi và cây nhãn, gồm: 02 giò Phong Lan Hồ Điệp, 01 giò Phong Lan Vũ Nữ, 01 giò Phong Lan Bảo Sắc, 01 giò Phong Lan Ngọc Thạch, 01 giò Phong Lan Nghệ Tâm và 02 chậu Phong Lan để ở sân, gồm: 01 chậu Phong Lan Trầm, 01 chậu Phong Lan Chuỗi Ngọc; Tuấn lấy 03 chậu Phong Lan để ở sân, gồm: 01 chậu Phong Lan Cát Lay A, 01 chậu Phong Lan Vũ Nữ và 01 chậu Phong Lan Hồ Điệp; H lấy 05 giò Phong Lan treo trên cây nhãn và cây bưởi trước cửa nhà, gồm: 01 giò Phong Lan Kiều Tím, 01 giò Phong Lan Sóc Lào, 01 giò Phong Lan Đùi Gà và 02 giò Phong Lan Phi Điệp. Ngoài ra, T, T và H còn dùng tay bóc tách 62 ngọn Phong Lan trên cây nhãn trước cửa nhà và cửa bếp nhà bà Điềm, gồm: 09 ngọn Phong Lan Đuôi Chồn, 31 ngọn Phong Lan Phi Điệp, 10 ngọn Phong Lan Long Tú, 10 ngọn Phong Lan Ngọc Thạch, 01 ngọn Phong Lan Sóc Lào và 01 ngọn Phong Lan Hồ Điệp. Sau khi trộm cắp số Phong Lan trên H, T và T mang về nhà H chia nhau, H lấy 03 giò Phong Lan, số Phong Lan còn lại T và T mang về nhà mình cất giấu. Khoảng 14 giờ cùng ngày nhớ ra nhà bà Đ có lắp camera, do sợ bị phát hiện nên T, T và H đã mang số giò, chậu và ngọn Phong Lan sang nhà bà Đ để rải rác trong sân và vườn nhà bà Đ. H giữ lại 02 giò Phong Lan (gồm: 02 giò Phong Lan Phi Điệp và 01 giò Phong Lan Kiều Vàng); Tâm giữ lại 01 giò Phong Lan Kiều Tím, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp và 10 ngọn Phong Lan Ngọc Thạch để chơi. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bà Đặng Thị Đ đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu giữ: 14 giò Phong Lan các loại, gồm: 01 giò Phong Lan Vũ Nữ có 02 ngọn, 01 giò Phong Lan Nghệ

T có 13 ngọn, 01 giò Phong Lan Ngọc Thạch có 03 ngọn, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp có 20 ngọn, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp có 04 ngọn, 01 giò Phong Lan Bảo Sắc có 03 ngọn, 01 giò Phong Lan Phi Điệp có 05 ngọn, 01 giò Phong Lan Sóc Lào có 03 ngọn và 01 giò Phong Lan Đùi Gà có 03 ngọn; 05 chậu Phong Lan các loại, gồm: 01 chậu Phong lan Chuỗi Ngọc có 07 ngọn, 01 chậu Phong lan Vũ Nữ có 06 ngọn, 01 chậu Phong lan Cát Lay A có 20 ngọn, 01 chậu Phong lan Trầm có 06 ngọn và 01 chậu Phong lan Hồ Điệp có 07 ngọn; 09 ngọn Phong lan Đuôi Chồn; 31 ngọn Phong lan Phi Điệp; 10 ngọn Phong lan Long Tú; 01 ngọn Phong lan Hồ Điệp; 01 ngọn Phong lan Sóc Lào. Đây là số Phong Lan H, T và T trộm cắp được nhà bà Đ, sau đó mang trả lại và để rải rác ở sân và vườn nhà bà Đ.

- Qúa trình điều tra Đặng Đình T tự nguyện giao nộp 01 giò Phong lan Hồ Điệp có 03 ngọn, 01 giò Phong Lan Kiều Tím có 05 ngọn và 10 ngọn Phong Lan Ngọc Thạch; Phạm Xuân H tự nguyện giao nộp 01 giò Phong Lan Phi Điệp có 20 ngọn, 01 giò Phong Lan Kiều Vàng có 07 ngọn và 01 giò Phong Lan Phi Điệp có 07 ngọn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18/KLĐG-HĐ ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G xác định: 01 giò Phong Lan Hồ Điệp có 03 ngọn, 01 giò Phong Lan Kiều Tím có 05 ngọn, 01 giò Phong Lan Vũ Nữ có 02 ngọn, 01 giò Phong Lan Nghệ Tâm có 13 ngọn, 01 giò Phong Lan Ngọc Thạch có 03 ngọn, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp có 20 ngọn, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp có 04 ngọn, 01 giò Phong Lan Bảo Sắc có 03 ngọn, 01 giò Phong Lan Phi Điệp có 05 ngọn, 01 giò Phong Lan Sóc Lào có 03 ngọn và 01 giò Phong Lan Đùi Gà có 03 ngọn; 01 chậu Phong Lan Chuỗi Ngọc có 07 ngọn; 01 chậu Phong Lan Vũ Nữ có 06 ngọn, 01 chậu Phong Lan Cát Lay A có 20 ngọn, 01 chậu Phong Lan Trầm có 06 ngọn và 01 chậu Phong lan Hồ Điệp có 07 ngọn; 09 ngọn Phong Lan Đuôi Chồn, 31 ngọn Phong Lan Phi Điệp, 10 ngọn Phong Lan Long Tú, 01 ngọn Phong Lan Hồ Điệp, 01 ngọn Phong Lan Sóc Lào và 10 ngọn Phong Lan Ngọc Thạch mà H, T và T trộm cắp nhà bà Đ ngày 15/6/2018 có tổng trị giá là 35.600.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng);* 02 giò Phong Lan Phi Điệp (gồm: 01 giò 20 ngọn, 01 giò 07 ngọn) và 01 giò Phong Lan Kiều Vàng 07 ngọn mà Phạm Xuân H trộm cắp nhà bà Đ ngày 15/6/2018 có tổng trị giá là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 51/CT-VKS-GV ngày 16/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố ***Phạm Xuân H, Đặng Đình T, Đặng Đình T*** ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội **"Trộm cắp tài sản"**, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo bị cáo hoàn toàn nhận tội, khai nhận hành vi của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Phạm Xuân***

H, Đặng Đình T, Đặng Đình T phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (không áp dụng điểm I khoản 1 điều 51, đồng thời áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H từ 9 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Xử phạt Đặng Đình T từ 6 đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Đặng Đình T từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng, giao bị cáo Tuấn cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện GV, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T, Đặng Đình T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với biên bản vụ việc, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 15/6/2018, tại thôn Vân Thị, xã G, huyện G, tỉnh N; Phạm Xuân H có hành vi lén lút trèo qua tường bao vào vườn nhà bà Đặng Thị Đ chiếm đoạt 14 giò, 05 chậu, 62 ngọn Phong lan trị giá là 43.100.000^{đ}. Đặng Đình T, Đặng Đình T đã cùng với Phạm Xuân H lén lút chiếm đoạt 11 giò, 05 chậu và 62 ngọn Phong lan các loại trị giá là 35.600.000^{đ} đã phạm tội " Trộm cắp tài sản".

[3]. Hành vi của bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T, Đặng Đình T đã nêu trên là phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục cải tạo các bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, để cá thể hóa mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp. Đối với

Phạm Xuân H là người cầm đầu, rủ lê lôi kéo T và T cùng thực hiện tội phạm, do vậy Phạm Xuân H giữ vai trò đầu trong vụ án, Đối với Đặng Đình T và Đặng Đình T khi được H rủ rê lôi kéo đã tích cực thực hiện tội phạm do vậy hai bị cáo này giữ vai trò sau trong vụ án.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Xuân H sau khi đã lén lút chiếm đoạt được 2 giò Phong lan Phi Điệp, và 01 giò Phong lan Kiều Vàng trị giá 7.500.000 đ, H lại tiếp tục rủ T và T chiếm đoạt tiếp các giò Phong Lan tại nhà bà Đ lần thứ 2, do đó Phạm Xuân H phạm tội thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T và bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khai nhận hành vi phạm tội của mình, Đối với T và T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho cả 3 bị cáo Đây là các tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo H, bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo Tuấn không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý cũng đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân các bị cáo phạm tội không mang tính vụ lợi về kinh tế, bản thân không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với các bị cáo.

{9}Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không đề nghị các bị cáo bồi thường nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[10] ***Về án phí***: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] ***Về quyền kháng cáo***: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Phạm Xuân H, Đặng Đình T, Đặng Đình T*** phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Xuân H** 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. xử phạt **Đặng Đình T** 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Đặng Đình T** 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đặng Đình Tuấn cho UBND xã G, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. ***Về án phí:***

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THỊ PHI

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N ;
- VKSND tỉnh N ;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).